

Số: 43 /QĐ-HĐTV

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 4 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty Khánh Việt

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UB ngày 13/11/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Phương án chuyển đổi và chuyển Tổng Công ty Khánh Việt thành Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Việt;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UB ngày 29/7/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh tên gọi của Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Việt thành Tổng Công ty Khánh Việt;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Khánh Việt đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt theo Quyết định số 2932/QĐ-UB ngày 12/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty Khánh Việt.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng để thực hiện việc giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp từ năm tài chính 2013 trở đi.

**Điều 3.** Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khánh Việt; Thành viên Hội đồng thành viên/ Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc/ Giám đốc các công ty trách nhiệm



hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu; Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư tại doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TV HĐQT, KSV TCT;
- Các Phòng ban TCT, Ban Kiểm soát nội bộ TCT;
- Các công ty TNHH MTV do TCT là CSH;
- Các công ty có cổ phần, vốn góp của TCT;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Tường Anh**





**QUY CHẾ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT LÀ CHỦ SỞ HỮU VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-HĐTV ngày 28/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt)*

**Phần I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định các nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty Khánh Việt.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu (sau đây viết tắt là công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu).

2. Doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây viết tắt là doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty).

3. Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư tại doanh nghiệp.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác với Quy chế này thì áp dụng theo pháp luật chuyên ngành.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. Giám sát tài chính là việc theo dõi, kiểm tra, thanh tra, đánh giá các vấn đề về tài chính, chấp hành chính sách pháp luật về tài chính của doanh nghiệp.

2. Báo cáo giám sát tài chính là báo cáo phân tích, đánh giá, cảnh báo các vấn đề về tài chính của từng doanh nghiệp do Tổng Công ty Khánh Việt (chủ thể giám sát) lập.

3. Báo cáo kết quả giám sát tài chính là báo cáo tổng hợp kết quả công tác giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây viết tắt là Tổng Công ty) do Tổng Công ty lập.

4. Tiêu chí đánh giá là hệ thống các chỉ tiêu, chuẩn mực dùng để xác định hiệu quả hoạt động và phân loại doanh nghiệp một cách toàn diện, khách quan.





5. Cơ quan quản lý nhà nước về tài chính là Bộ Tài chính, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp).
6. Giám sát gián tiếp là việc theo dõi và kiểm tra tình hình của doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính, thống kê và báo cáo khác theo quy định của pháp luật và của Tổng Công ty.
7. Giám sát trực tiếp là việc kiểm tra, thanh tra trực tiếp tại doanh nghiệp.
8. Giám sát trước là việc xem xét, kiểm tra tính khả thi các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, dự án đầu tư, phương án huy động vốn và các dự án phương án khác của doanh nghiệp.
9. Giám sát trong là việc theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch, dự án của doanh nghiệp, việc chấp hành các quy định của pháp luật, của Tổng Công ty trong suốt quá trình triển khai kế hoạch, dự án.
10. Giám sát sau là việc kiểm tra kết quả hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở các báo cáo định kỳ, kết quả chấp hành quy định của Tổng Công ty hoặc điều lệ doanh nghiệp, việc tuân thủ các quy định của pháp luật.
11. Viên chức quản lý doanh nghiệp là Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (không bao gồm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo Hợp đồng lao động).
12. Giám sát tài chính đặc biệt là quy trình giám sát đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn về tài chính cần phải được các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo dõi và chấn chỉnh.
13. Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Người đại diện) là cá nhân được Tổng Công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Tổng Công ty tại doanh nghiệp.
14. “Báo cáo không đúng thực tế về tài chính, làm sai lệch lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp” là việc doanh nghiệp báo cáo kết quả kinh doanh lãi hoặc hòa vốn trong khi thực chất bị lỗ.
15. “Doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn về tài chính” là doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy chế này.
16. Ban Kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Khánh Việt là đầu mối giám sát và tổng hợp giám sát, giúp Tổng Công ty Khánh Việt thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu và các doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty.

## Phần II

### GIÁM SÁT TÀI CHÍNH



**Chương 1**  
**GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT ĐỐI VỚI**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY LÀ CHỦ**  
**SỞ HỮU**

**Điều 4. Nội dung giám sát**

1. Tổng công ty thực hiện giám sát các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu theo nội dung sau:

1.1. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng Công ty tại doanh nghiệp theo các nội dung sau:

a) Hoạt động đầu tư tài sản tại doanh nghiệp (bao gồm danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn huy động gắn với dự án đầu tư).

b) Việc huy động vốn và sử dụng vốn huy động; phát hành trái phiếu.

c) Việc quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

1.2. Giám sát bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

1.3. Giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo các nội dung sau:

a) Hoạt động sản xuất, tiêu thụ, tồn kho sản phẩm; doanh thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính; thu nhập khác.

b) Kết quả hoạt động kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA).

c) Phân tích về lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.

d) Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

đ) Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

1.4. Giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp, trong đó có các nội dung về chi phí tiền lương, thu nhập của người lao động, người quản lý điều hành doanh nghiệp (Thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

2. Để thực hiện nội dung giám sát quy định tại Khoản 1 Điều này, các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu phải lập báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Báo cáo đánh giá tình hình tài chính) theo các biểu của Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy chế này và các quy định sau:

2.1. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng Công ty tại doanh nghiệp

a) Tình hình đầu tư tài sản: doanh nghiệp lập Biểu 01- Mẫu số 01 và đánh giá phân tích các vấn đề sau:

- Đối với các dự án thuộc nhóm A và nhóm B: nêu tổng mức đầu tư và nguồn vốn huy động để đầu tư của từng dự án; đánh giá về tiến độ thực hiện dự án so với kế hoạch; tiến độ giải ngân dự án so với kế hoạch; các vấn đề phát sinh



liên quan đến sử dụng đất đai, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thu hồi giấy phép đầu tư và các quy định khác về quản lý đầu tư; các điều chỉnh về mục tiêu, quy mô vốn, tiến độ và chủ đầu tư trong kỳ của các dự án đầu tư.

- Đối với các dự án còn lại: nêu tổng mức đầu tư và nguồn vốn huy động để đầu tư dự án; thời gian hoàn thành dự án; tiến độ thực hiện dự án so với kế hoạch; vướng mắc, tồn tại (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Đối với các dự án đầu tư đã đưa vào sử dụng trong kỳ báo cáo cần đánh giá hiệu quả mang lại.

- Kiến nghị và đề xuất của doanh nghiệp.

Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.

**b) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: doanh nghiệp phân tích đánh giá các vấn đề sau:**

- Tổng số vốn đã huy động trong kỳ báo cáo và lũy kế đến kỳ báo cáo, trong đó: phát hành trái phiếu, vay của các tổ chức tín dụng, vay của cá nhân.

- Tình hình sử dụng vốn huy động, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi hoạt động sản xuất kinh doanh, chi mục đích khác.

- Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại từ việc sử dụng vốn đã huy động.

**c) Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả: doanh nghiệp phân tích, đánh giá các vấn đề sau:**

- Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ có phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Tổng Công ty không; tình hình trích khấu hao tài sản; tình hình thanh lý, nhượng bán tài sản; tình hình xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất.

- Tình hình công nợ phải thu đến kỳ báo cáo: tổng số nợ phải thu trong đó công nợ phải thu khó đòi, tình hình trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi, tình hình xử lý công nợ khó đòi trong kỳ báo cáo. Doanh nghiệp phải phân tích chi tiết theo từng khoản công nợ phải thu khó đòi.

- Tình hình công nợ phải trả đến kỳ báo cáo: tổng số nợ phải trả trong đó nợ đến hạn, nợ quá hạn, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu. Doanh nghiệp phải phân tích chi tiết theo từng khoản công nợ phải trả quá hạn.

**2.2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn: doanh nghiệp lập theo Biểu 06-Mẫu số 01.**

**a)** Việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật *(Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn*



thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính Phủ và Quy chế đầu tư vốn Tổng Công ty Khánh Việt vào các doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp do Tổng Công ty Khánh Việt nắm giữ 100% vốn điều lệ).

**b)** Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA). Các chỉ tiêu này càng cao phản ánh việc sử dụng vốn, sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng có hiệu quả.

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế được xác định tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh - Mã số 60 (Mẫu số B02 - DN ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Chỉ tiêu tổng tài sản được xác định tại Bảng cân đối kế toán – Mã số 270 (Mẫu số B01-DN ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

**2.3.** Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp: doanh nghiệp lập theo Biểu 03- Mẫu số 01 và phân tích, đánh giá các vấn đề sau:

**a)** Xu hướng biến động về sản lượng sản xuất (hoặc lượng mua vào) trong kỳ, sản lượng tiêu thụ (hoặc lượng bán ra) trong kỳ, lượng tồn kho cuối kỳ của một số sản phẩm chủ yếu.

**b)** Xu hướng biến động về các chỉ tiêu tài chính: doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm trong kỳ, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, thu nhập và chi phí khác, kết quả kinh doanh. Xu hướng biến động được so sánh giữa chỉ tiêu thực hiện tại kỳ báo cáo với chỉ tiêu kế hoạch năm và chỉ tiêu thực hiện cùng kỳ báo cáo của hai năm trước liền kề năm báo cáo.

**c)** Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ (Biểu 07 - Mẫu số 01).

**d)** Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp để có thể đánh giá được các vấn đề sau:

- Lượng tiền mặt mà doanh nghiệp tạo ra có đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp không.

- Lượng tiền mặt mà doanh nghiệp tạo ra có đáp ứng đủ để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn không.

**đ)** Nêu kiến nghị và đề xuất của doanh nghiệp.

**2.4.** Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật trong đó đánh giá việc tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà



nước theo các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 11 Quy chế này (Biểu 05-Mẫu số 01).

2.5. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của cơ quan kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của Tổng Công ty về báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

2.6. Đối với nội dung giám sát quy định tại Điểm 1.4. Khoản 1 Điều này, doanh nghiệp lập báo cáo và đánh giá theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Căn cứ Báo cáo đánh giá của doanh nghiệp nêu tại Khoản 2 Điều này và các tài liệu khác có liên quan, Tổng Công ty lập Báo cáo giám sát tài chính trong đó nhận xét đánh giá tình hình tài chính của từng doanh nghiệp theo các nội dung đã nêu tại Khoản 1 Điều này, từ đó nêu các khuyến nghị của Tổng Công ty đối với từng doanh nghiệp. Báo cáo được lập theo Biểu 01 - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

Trong báo cáo, Tổng Công ty phải đánh giá thực trạng tài chính doanh nghiệp theo các mức độ: an toàn về tài chính, có dấu hiệu mất an toàn về tài chính.

4. Trên cơ sở các Báo cáo giám sát tài chính, Tổng Công ty tổng hợp và lập Báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ. Báo cáo được lập theo Biểu 02- Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

Báo cáo kết quả giám sát tài chính được gửi cho Sở Tài chính kèm theo Báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp.

### **Điều 5. Căn cứ thực hiện giám sát tài chính và phương pháp giám sát**

Hoạt động giám sát tài chính doanh nghiệp được thực hiện theo các căn cứ sau:

1. Văn bản pháp luật về quản lý tài chính doanh nghiệp.
2. Quy chế đầu tư vốn Tổng Công ty Khánh Việt vào các doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp do Tổng Công ty Khánh Việt nắm giữ 100% vốn điều lệ.
3. Điều lệ hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp.
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm, kế hoạch dài hạn (05 năm), tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do cấp có thẩm quyền phê duyệt.
5. Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp đã được kiểm toán và được Hội đồng thành viên thông qua; báo cáo tài chính quý, báo cáo nghiệp vụ định kỳ và các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của Tổng Công ty hoặc cơ quan quản lý nhà nước.
6. Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại doanh nghiệp của các cơ quan chức năng.
7. Các thông tin, tài liệu có liên quan khác theo quy định của pháp luật.



Tổng Công ty thực hiện giám sát tài chính bằng việc kết hợp các phương thức giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong và giám sát sau. Trong đó đặc biệt coi trọng việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các yếu tố tích cực, tiêu cực, hạn chế về tài chính và quản lý tài chính của doanh nghiệp để khuyến nghị, chỉ đạo, cảnh báo kịp thời cho doanh nghiệp. Việc kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất và phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Để triển khai phương thức giám sát tài chính, Tổng Công ty cần tiến hành các công việc sau:

- Vào quý 4 năm trước tổ chức lập kế hoạch giám sát tài chính doanh nghiệp bao gồm kế hoạch kiểm tra và thanh tra. Kế hoạch thanh tra căn cứ kế hoạch của Kiểm toán nhà nước khu vực, Thanh tra tỉnh, Thanh tra của cơ quan chức năng để lập cho phù hợp, tránh trùng lặp, chồng chéo về nội dung.

- Tổ chức giám sát doanh nghiệp trên cơ sở liên tục và định kỳ, kết hợp việc giám sát thông qua công tác kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch đã lập với giám sát thông qua báo cáo tài chính và báo cáo khác có liên quan do doanh nghiệp cung cấp. Đồng thời tăng cường việc giám sát thông qua công tác kiểm tra xem xét tính khả thi, quá trình thực hiện và kết quả tuân thủ các quy định pháp luật trong việc triển khai các kế hoạch, dự án đầu tư, phương án huy động vốn và các dự án khác của doanh nghiệp.

## **Điều 6. Tổ chức giám sát**

1. Để tổ chức giám sát doanh nghiệp, Tổng Công ty cần phải triển khai những nội dung sau:

a) Chỉ định bộ phận hay cá nhân cụ thể là đầu mối giám sát và tổng hợp giám sát doanh nghiệp.

b) Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Tài chính và tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định mục tiêu giám sát đối với từng doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

c) Tổ chức giám sát chặt chẽ, đầy đủ, kịp thời. Khi phát hiện tình hình tài chính, công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp có dấu hiệu xấu phải cảnh báo kịp thời cho doanh nghiệp. Đồng thời chỉ đạo doanh nghiệp có giải pháp kịp thời ngăn chặn, khắc phục những yếu kém.

Tổng Công ty có thể thuê tổ chức dịch vụ tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét số liệu, hoạt động tài chính của doanh nghiệp để có cơ sở đưa ra đánh giá, nhận xét và kết luận giám sát. Tổng Công ty thực hiện quy trình lựa chọn tư vấn theo quy định của pháp luật. Tổ chức dịch vụ tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán độc lập do chủ sở hữu thuê không được trùng lặp với tổ chức dịch vụ đã được doanh nghiệp thuê kiểm toán báo cáo tài





chính hàng năm theo quy định. Chi phí thuê tư vấn được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Căn cứ các báo cáo tài chính của doanh nghiệp, báo cáo của các cơ quan kiểm toán, thanh tra, kết quả giám sát trực tiếp tại doanh nghiệp và các báo cáo khác có liên quan; Tổng Công ty đánh giá và xem xét hiệu quả sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, tình hình thanh khoản và khả năng trả nợ của doanh nghiệp nhằm phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu hoạt động kém hiệu quả và có khả năng mất an toàn về tài chính.

Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng trong các phát hiện, Tổng Công ty cân nhắc các hình thức xử lý đối với doanh nghiệp theo một trong các hình thức sau:

a) Có văn bản nhắc nhở lãnh đạo doanh nghiệp và khuyến nghị các biện pháp xử lý; tiếp tục giám sát tình hình tiếp thu và thực hiện khuyến nghị của doanh nghiệp.

b) Có văn bản nhắc nhở lãnh đạo doanh nghiệp và đề ra các biện pháp xử lý; tiếp tục giám sát tình hình tiếp thu thực hiện chỉ đạo của Tổng Công ty. Đồng thời Tổng Công ty tăng tần suất giám sát gián tiếp thông qua việc yêu cầu doanh nghiệp, Kiểm soát viên báo cáo bổ sung theo các chuyên đề cụ thể, thời gian báo cáo nhanh hơn.

c) Quyết định đưa doanh nghiệp vào diện giám sát đặc biệt, thông báo với các cơ quan có liên quan để xử lý theo quy trình giám sát đặc biệt quy định tại Khoản 5 Điều này.

d) Thực hiện xử lý kỷ luật đối với lãnh đạo doanh nghiệp trong các trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo đúng quy định và không chấp hành các khuyến nghị, chỉ đạo trong báo cáo giám sát của Tổng Công ty làm cho tình hình tài chính, công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp xấu đi.

### 3. Các trường hợp giám sát tài chính đặc biệt

Doanh nghiệp được đặt vào tình trạng giám sát tài chính đặc biệt nếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm hoặc qua công tác giám sát tài chính, kiểm toán phát hiện có tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kinh doanh thua lỗ, có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu vượt quá mức an toàn theo quy định.

b) Có số lỗ phát sinh từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên hoặc số lỗ lũy kế lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu.

c) Có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn nhỏ hơn 0,5.

d) Báo cáo không đúng thực tế về tài chính, làm sai lệch lớn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

### 4. Xử lý doanh nghiệp thuộc diện giám sát đặc biệt

a) Doanh nghiệp thuộc diện giám sát đặc biệt mà 02 năm liên tục (kể từ thời điểm có quyết định giám sát đặc biệt) không còn có các chỉ tiêu thuộc diện



giám sát đặc biệt nêu tại Khoản 3 Điều này và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo Quy chế này thì được đưa ra khỏi danh sách giám sát đặc biệt.

b) Doanh nghiệp thuộc diện giám sát đặc biệt 02 năm liên tục vẫn thua lỗ thì phải thực hiện chuyển đổi sở hữu hoặc giải thể, phá sản theo quy định.

c) Tổng Công ty ban hành quyết định kết thúc giám sát đặc biệt. Quyết định này được thông báo tới Sở tài chính.

5. Đối với các doanh nghiệp thuộc diện giám sát đặc biệt, Tổng Công ty cần thực hiện các quy định sau:

a) Phê duyệt phương án cơ cấu lại tổ chức, hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp. Thời hạn phê duyệt không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được phương án của doanh nghiệp. Tổng Công ty có thể tự thực hiện hoặc thuê tư vấn giúp Tổng Công ty nghiên cứu, đánh giá phương án tổ chức lại doanh nghiệp. Phương án tổ chức lại doanh nghiệp làm rõ các nội dung sau:

- Hiện trạng của doanh nghiệp về cơ cấu tổ chức, quản trị, tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh, thị trường...

- Những khó khăn, vướng mắc hiện tại của doanh nghiệp và nguyên nhân dẫn đến khó khăn, vướng mắc đó.

- Phương án giải quyết bao gồm phương án chung và hành động cụ thể giúp giải quyết các vướng mắc của doanh nghiệp.

- Lộ trình thực hiện các phương án và hành động cụ thể nêu trên, trách nhiệm của các bên liên quan.

- Phương án tổ chức triển khai trong đó nêu rõ đơn vị làm đầu mối và chịu trách nhiệm triển khai.

- Cam kết của lãnh đạo doanh nghiệp.

b) Gửi cho Sở Tài chính nội dung Quyết định giám sát tài chính đặc biệt và Kế hoạch giám sát tài chính đặc biệt của Tổng Công ty. Kế hoạch giám sát tài chính đặc biệt bao gồm các nội dung sau:

- Tổ chức giám sát: quy định đầu mối giám sát; vai trò, trách nhiệm và cơ chế báo cáo của đầu mối giám sát; nhu cầu, kế hoạch và dự kiến chi phí sử dụng tư vấn cho mục đích giám sát và đánh giá; yêu cầu phối hợp với các bên liên quan, bao gồm thanh tra các cấp, kiểm toán nhà nước, kiểm toán độc lập và cơ quan quản lý tài chính.

- Các hoạt động giám sát, rà soát, thanh tra, kiểm tra cụ thể.

- Lộ trình thực hiện.

- Yêu cầu và chế độ báo cáo về kết quả giám sát và phản hồi về kết quả giám sát của các bên liên quan cho từng hoạt động giám sát, rà soát, thanh tra, kiểm tra.

c) Tiến hành triển khai giám sát tài chính đặc biệt theo kế hoạch đặt ra, định kỳ cập nhật kết quả giám sát và những thay đổi kế hoạch giám sát doanh nghiệp cho các bên liên quan.



d) Phối hợp với Sở Tài chính tiến hành phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, công tác quản lý tài chính, điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra ý kiến chỉ đạo đối với doanh nghiệp.

đ) Trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể tổ chức thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nhằm xem xét tính trung thực, chính xác về các chỉ tiêu trong các báo cáo của doanh nghiệp; công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành doanh nghiệp; công tác quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý tài chính và các nguồn lực khác của doanh nghiệp. Việc kiểm tra thực hiện tùy theo yêu cầu giám sát và tính chính xác của số liệu báo cáo.

Việc kiểm tra phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra. Kết thúc kiểm tra phải có báo cáo, kết luận về những nội dung kiểm tra và đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

e) Trình UBND tỉnh phương án xử lý trong trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện các yêu cầu của Tổng Công ty và cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp mà kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không được cải thiện.

6. Định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm, Tổng Công ty lập báo cáo kết quả giám sát tài chính gửi Sở Tài chính. Báo cáo kết quả giám sát phải kèm theo báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp. Thời hạn gửi báo cáo sáu tháng không muộn quá ngày 31 tháng 8 của năm báo cáo; báo cáo năm không muộn quá ngày 31 tháng 5 năm sau.

7. Trách nhiệm của các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu trong việc tổ chức giám sát:

a) Lập và gửi kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn các báo cáo theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền và của Tổng Công ty để phục vụ cho việc giám sát tài chính. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc thực hiện giám sát trực tiếp tại doanh nghiệp.

b) Khi có cảnh báo của các cơ quan có thẩm quyền và của Tổng Công ty về những nguy cơ trong tài chính, quản lý tài chính của doanh nghiệp phải xây dựng và thực hiện ngay các biện pháp để ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ làm cho tình hình tài chính, công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp tốt lên.

c) Thực hiện đầy đủ kịp thời các chỉ đạo, khuyến nghị của các cơ quan có thẩm quyền và của Tổng Công ty trong các báo cáo giám sát. Trường hợp không thống nhất với các chỉ đạo, khuyến nghị đó, doanh nghiệp có quyền báo cáo ý kiến của mình với các cơ quan đưa ra chỉ đạo, khuyến nghị. Khi các cơ quan có thẩm quyền và Tổng Công ty đưa ra ý kiến cuối cùng thì doanh nghiệp có trách nhiệm phải thực hiện các ý kiến đó. Định kỳ hàng quý hoặc theo yêu cầu của các cơ quan đưa ra chỉ đạo, khuyến nghị doanh nghiệp phải báo cáo với các cơ quan này và chủ sở hữu kết quả thực hiện các chỉ đạo, khuyến nghị.

d) Tự tổ chức giám sát tài chính trong nội bộ doanh nghiệp. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là



chủ sở hữu sử dụng bộ máy trong tổ chức của doanh nghiệp để thực hiện việc giám sát này. Định kỳ hàng quý hoặc theo yêu cầu của Tổng công ty, doanh nghiệp phải báo cáo kết quả công tác giám sát tài chính nội bộ.

## Chương 2

### GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY

**Điều 7. Tổ chức giám sát tài chính tại doanh nghiệp mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**

1. Tổng Công ty quy định bằng văn bản về vai trò, trách nhiệm, phân cấp, phân quyền, cơ chế báo cáo, phản hồi của Người đại diện; Cơ chế phối hợp giữa bộ phận được cử là đầu mối tổng hợp kết quả giám sát với Người đại diện.

2. Định kỳ 6 tháng, hàng năm, Người đại diện lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung sau:

a) Giám sát tình hình tài chính, chấp hành pháp luật và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Giám sát thực hiện dự án đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp; tình hình huy động vốn, vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

c) Giám sát việc quản lý, hiệu quả sử dụng, tình hình bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

d) Giám sát việc phân phối lợi nhuận, thu lợi tức, lợi nhuận được chia và phân chia rủi ro từ phần vốn đã góp.

e) Báo cáo giám sát tài chính của doanh nghiệp có vốn góp chi phối theo Biểu 01 - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Căn cứ báo cáo giám sát tài chính của Người đại diện, Tổng Công ty lập Báo cáo kết quả giám sát tài chính theo Biểu 03 – Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy chế này, trong đó tổng hợp kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp có vốn Tổng Công ty thuộc trách nhiệm quản lý.

4. Việc giám sát tài chính tại các doanh nghiệp mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thực hiện thường xuyên theo các báo cáo định kỳ của Người đại diện. Trường hợp doanh nghiệp có dấu hiệu hoạt động kém hiệu quả và có khả năng mất an toàn về tài chính, Tổng Công ty chỉ đạo Người đại diện thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp năm 2005, cụ thể là yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra cụ thể các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Đồng thời Tổng Công ty yêu cầu Người đại diện tăng tần suất báo cáo về tình hình tài chính của doanh nghiệp để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.



5. Tổng Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về giám sát doanh nghiệp, Người đại diện là cá nhân được ủy quyền của Tổng Công ty thực hiện giám sát doanh nghiệp và chỉ chịu trách nhiệm đối với những việc được Tổng Công ty phân cấp.

6. Đối với Người đại diện kiêm nhiệm chức danh Lãnh đạo doanh nghiệp thì ngoài trách nhiệm đối với những việc được Tổng Công ty ủy quyền, Người đại diện phải chịu trách nhiệm với tư cách Lãnh đạo doanh nghiệp theo các quy định pháp luật.

**Điều 8. Tổ chức giám sát tài chính tại doanh nghiệp mà Tổng Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ**

1. Tổng Công ty quy định bằng văn bản về vai trò, trách nhiệm, phân cấp, phân quyền, cơ chế báo cáo, phản hồi của Người đại diện; Cơ chế phối hợp giữa bộ phận được cử là đầu mối tổng hợp kết quả giám sát với Người đại diện.

2. Định kỳ hàng năm, Người đại diện lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung sau:

a) Giám sát việc quản lý, hiệu quả sử dụng, tình hình bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

b) Giám sát việc phân phối lợi nhuận, thu lợi tức, lợi nhuận được chia và phân chia rủi ro từ phần vốn đã góp.

c) Báo cáo giám sát tài chính của doanh nghiệp có vốn góp không chi phối theo Biểu 02<sup>1</sup> - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Căn cứ báo cáo giám sát tài chính của Người đại diện, Tổng Công ty lập Báo cáo kết quả giám sát tài chính theo Biểu 03 – Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy chế này, trong đó tổng hợp kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp có vốn Tổng Công ty.

4. Việc giám sát tài chính tại các doanh nghiệp mà Tổng Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ thực hiện thường xuyên theo các báo cáo định kỳ của Người đại diện. Trường hợp doanh nghiệp có dấu hiệu hoạt động kém hiệu quả và có khả năng mất an toàn về tài chính, mất vốn Tổng Công ty góp tại doanh nghiệp, Tổng Công ty chỉ đạo Người đại diện thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

**Chương 3**

**GIÁM SÁT TÀI CHÍNH TRONG NỘI BỘ CÁC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY LÀ CHỦ SỞ HỮU**

**Điều 9. Tổ chức giám sát tài chính trong nội bộ công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu**



Chủ tịch Hội đồng thành viên/ Chủ tịch công ty, Thành viên Hội đồng thành viên các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu phải triển khai các nội dung sau:

1. Ban hành bằng văn bản quy trình hoạt động trong lĩnh vực tài chính như: quy trình lập kế hoạch, ngân sách và dự báo; quy trình quản lý hiệu quả hoạt động; quy trình kế toán, lập báo cáo hợp nhất; quy trình quản lý rủi ro tài chính và các quy chế khác.

2. Ban hành cơ chế phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của các phòng, ban; giữa các phòng ban với bộ phận kiểm soát nội bộ.

3. Thường xuyên rà soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp để kịp thời phát hiện và khắc phục tồn tại.

4. Để duy trì bộ phận kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả cần phải:

a) Cử các cá nhân có đủ kinh nghiệm, năng lực và trình độ để đảm nhận vị trí được giao, đảm bảo tính độc lập và không xung đột lợi ích.

b) Ban hành và phổ biến quy chế về quản lý nội bộ của doanh nghiệp.

c) Ban hành quy trình, quy chế, chính sách, thủ tục và các công cụ hỗ trợ hoạt động.

d) Đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ và phát triển nguồn nhân lực.

5. Có hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động của bộ phận kiểm soát nội bộ nói riêng và doanh nghiệp nói chung.

6. Tạo điều kiện và phối hợp với Kiểm soát viên do Tổng Công ty bổ nhiệm thực hiện các chức năng nhiệm vụ đã được quy định tại Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt nắm giữ 100% vốn điều lệ.

7. Đối với các doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt, ngoài các yêu cầu, nội dung về giám sát tài chính quy định tại Điều 4 Quy chế này, khi nhận được Quyết định giám sát tài chính đặc biệt của Tổng Công ty, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải thực hiện các công việc sau:

7.1. Lập phương án cơ cấu lại tổ chức, hoạt động kinh doanh và tài chính để trình Tổng Công ty trong thời gian 20 ngày kể từ khi có Quyết định giám sát đặc biệt.

7.2. Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Tổng Công ty các chỉ tiêu sau:

a) Sản lượng, giá trị sản lượng sản phẩm, hàng hóa dịch vụ chủ yếu sản xuất, tiêu thụ, tồn kho trong kỳ.

b) Doanh thu hoạt động kinh doanh, thu nhập khác.

c) Chi phí hoạt động kinh doanh, hoạt động khác, chi phí tiền lương, khấu hao tài sản cố định, chi phí trả lãi vay, chi phí quản lý doanh nghiệp.

d) Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu (báo cáo quý, năm)



**đ)** Tình hình thu hồi nợ, huy động vốn và trả nợ.

**e)** Hiệu quả huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư; nợ và khả năng thanh toán nợ.

**g)** Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, Ban Điều hành doanh nghiệp.

**7.3.** Thời hạn gửi các báo cáo quy định tại Điểm 7.2 Khoản 7 Điều này thực hiện như sau: Đối với báo cáo tháng gửi trước ngày 03 của tháng tiếp theo; báo cáo quý gửi trước ngày 13 của tháng đầu của quý tiếp theo và báo cáo năm phải gửi trước ngày 28 tháng 01 của năm tiếp theo.

**7.4.** Biểu mẫu báo cáo thực hiện theo Biểu 09- Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy chế này.

### **Phần III**

## **ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Điều 10.** Tổ chức thực hiện việc đánh giá xếp loại các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu và kết quả hoạt động của viên chức quản lý các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu

**1.** Căn cứ kế hoạch tài chính hàng năm của các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu do Hội đồng thành viên/ Chủ tịch các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu phê duyệt (sau khi đã được Tổng Công ty rà soát và có ý kiến chính thức bằng văn bản); Tổng Công ty xem xét và giao chỉ tiêu đánh giá để làm căn cứ đánh giá và xếp loại các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu.

**2.** Tổng Công ty căn cứ vào đặc thù kinh doanh của từng doanh nghiệp để giao chỉ tiêu đánh giá cho phù hợp. Các chỉ tiêu doanh thu và kết quả kinh doanh được quy định bằng số liệu cụ thể.

**3.** Đối với những doanh nghiệp có lỗi kế hoạch theo phương án đã được Tổng Công ty phê duyệt, việc đánh giá xếp loại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 13 Quy chế này.

**4.** Các chỉ tiêu đánh giá được quy định và giao cho doanh nghiệp từ quý đầu tiên của năm kế hoạch và không được điều chỉnh trong suốt thời kỳ thực hiện.

**5.** Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp phải căn cứ vào Báo cáo giám sát tài chính doanh nghiệp do Tổng Công ty lập, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp đã được kiểm toán và các báo cáo khác.

Đối với báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhưng cơ quan kiểm toán độc lập có ý kiến ngoại trừ một số vấn đề làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh thì doanh nghiệp phải có trách nhiệm giải trình cụ thể bằng văn bản với Tổng Công ty để Tổng Công ty xem xét quyết định giữ nguyên hay điều chỉnh số liệu về kết quả kinh doanh tại báo cáo tài chính. Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm



về quyết định của mình và thuyết minh rõ trong văn bản lấy ý kiến tham gia của Sở Tài chính về việc xếp loại doanh nghiệp.

**Điều 11. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu**

Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu căn cứ vào các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu 1. Doanh thu và thu nhập khác.
- Chỉ tiêu 2. Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu.
- Chỉ tiêu 3. Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Chỉ tiêu 4. Chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, về tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, về lao động, tiền lương, an sinh xã hội, về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

Trong đó:

1. Doanh thu và thu nhập khác: chỉ tiêu doanh thu và thu nhập khác được xác định tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 - DN ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) bao gồm Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10) + Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21) + Thu nhập khác (Mã số 31).

2. Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu:

a) Lợi nhuận thực hiện: bao gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác. Chỉ tiêu này được xác định tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh - Mã số 50 (Mẫu số B02 - DN ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Khi tính toán chỉ tiêu lợi nhuận, doanh nghiệp phải:

- Tính đủ các khoản chi phí vào giá thành sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kinh doanh như: trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; chênh lệch tỷ giá; các khoản lãi vay phải trả phát sinh trong kỳ; chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

- Đối với giá trị tài sản tổn thất thực tế, kể cả nợ phải thu không có khả năng thu hồi sau khi trừ phần bồi thường thuộc trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, tổ chức bảo hiểm (nếu có) và khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

b) Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu được tính bằng tỷ lệ giữa lợi nhuận thực hiện so với vốn chủ sở hữu bình quân trong năm của doanh nghiệp.

Cách xác định lợi nhuận thực hiện như quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.



Vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp được xác định tại Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) bao gồm: Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411), Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 417), Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Mã số 421). Vốn chủ sở hữu bình quân năm được xác định bằng tổng số dư vốn chủ sở hữu cuối mỗi quý chia cho 4 quý.

Trường hợp tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm, doanh nghiệp chưa thực hiện phân phối trích lập các quỹ thì khi thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp phải cộng thêm số trích lập của Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính Phủ và Quy chế đầu tư vốn Tổng Công ty Khánh Việt vào các doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp do Tổng Công ty Khánh Việt nắm giữ 100% vốn điều lệ vào chỉ tiêu vốn chủ sở hữu để làm căn cứ xác định tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.

### 3. Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn:

a) Nợ phải trả quá hạn: là các khoản nợ đã quá thời hạn cam kết thanh toán cho các chủ nợ. Việc xác định nợ phải trả quá hạn căn cứ vào thời hạn thanh toán ghi trên khế ước vay nợ, hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ cam kết khác.

b) Khả năng thanh toán nợ đến hạn: khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là khả năng thanh toán hiện thời được xác định bằng tỷ lệ giữa tài sản ngắn hạn hiện có so với nợ ngắn hạn và được tính toán theo công thức sau:

$$\text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn được xác định theo số dư cuối kỳ (Mã số 100 Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01- DN ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Nợ ngắn hạn được xác định theo số dư cuối kỳ (Mã số 310 Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01 - DN ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

### 4. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật:

a) Chế độ, chính sách pháp luật bao gồm các lĩnh vực về thuế, thu nộp ngân sách, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, báo cáo đánh giá tình hình tài chính, báo cáo đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra.



b) Việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật là chấp hành đúng quy định, không có những hành vi thực hiện sai, bỏ sót, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc không thực hiện.

c) Những hành vi vi phạm bao gồm hành vi của tổ chức, cá nhân dưới danh nghĩa tổ chức hoặc của viên chức quản lý doanh nghiệp gây ra.

d) Doanh nghiệp không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về cơ chế, chính sách một trong những lĩnh vực nói trên hoặc bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở về việc thực hiện cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật nhưng chưa đến mức bị xử phạt hành chính thì được xếp loại cao trong chỉ tiêu này.

**5. Khi tính các chỉ tiêu quy định tại Khoản 1, 2, 4 Điều này được loại trừ những ảnh hưởng của các yếu tố sau:**

a) Do nguyên nhân bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, tai nạn bất ngờ ngoài ý muốn.

b) Do đầu tư mở rộng phát triển sản xuất làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trong hai năm đầu kể từ năm đưa công trình đầu tư vào sử dụng.

Việc xem xét loại trừ yếu tố này căn cứ vào phương án đầu tư của doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong đó đã tính toán được mức độ ảnh hưởng đến lợi nhuận.

c) Do nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm do nhà nước định giá) làm ảnh hưởng đến doanh thu của doanh nghiệp hoặc do phải thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Do nhà nước điều chỉnh chính sách làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

## **Điều 12. Chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu**

Việc đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu căn cứ vào các nội dung sau:

**1. Tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.**

**2. Mức độ hoàn thành chỉ tiêu Tổng Công ty giao về tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu:** là tỷ lệ hoàn thành đạt, vượt hoặc thấp hơn tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu do Tổng Công ty giao đầu năm.

**3. Kết quả phân loại doanh nghiệp là kết quả do Tổng Công ty thẩm định và công bố.**

## **Điều 13. Phương pháp đánh giá**

**1. Đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu căn cứ vào các chỉ tiêu sau:**

a) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác



- Doanh nghiệp xếp loại A khi doanh thu thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao.

- Doanh nghiệp xếp loại B khi doanh thu thực hiện thấp hơn nhưng tối thiểu bằng 90% so với kế hoạch được giao.

- Doanh nghiệp xếp loại C khi doanh thu thực hiện đạt dưới 90% kế hoạch được giao.

**b) Chỉ tiêu 2: tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu**

- Doanh nghiệp xếp loại A khi tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch được giao.

- Doanh nghiệp xếp loại B khi tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu thực hiện thấp hơn nhưng tối thiểu bằng 90% so với kế hoạch được giao.

- Doanh nghiệp xếp loại C khi tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt dưới 90% so với kế hoạch được giao.

- Đối với những doanh nghiệp có lỗ kế hoạch: nếu lỗ thực hiện thấp hơn lỗ kế hoạch: xếp loại A; nếu lỗ thực hiện bằng lỗ kế hoạch: xếp loại B; nếu lỗ thực hiện cao hơn lỗ kế hoạch: xếp loại C. Trường hợp do thực hiện tăng thêm nhiệm vụ được loại trừ khi xác định chỉ tiêu lỗ thực hiện so với lỗ kế hoạch được giao.

**c) Chỉ tiêu 3: nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn**

- Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn và có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1: xếp loại A;

- Doanh nghiệp không có nợ phải trả quá hạn và có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn từ 0,5 đến 1: xếp loại B;

- Doanh nghiệp có nợ phải trả quá hạn hoặc hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn nhỏ hơn 0,5: xếp loại C.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực riêng biệt, Tổng Công ty xem xét quyết định hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn cho phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp để làm căn cứ xếp loại chỉ tiêu này.

**d) Chỉ tiêu 4: tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành**

- Doanh nghiệp không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm cơ chế, chính sách một trong những lĩnh vực đã nêu tại Khoản 4 Điều 11 Quy chế này hoặc bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở về việc thực hiện cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật nhưng chưa đến mức bị xử phạt hành chính: xếp loại A.

- Doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì xếp loại B:

+ Bị Tổng Công ty/cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp nhắc nhở 01 lần bằng văn bản về việc nộp báo cáo đánh giá tình hình tài chính, báo cáo đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo khác không đúng quy định, không đúng hạn.

+ Bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền (tổng số tiền bị xử phạt dưới 10.000.000 đồng)



trong vòng 12 (mười hai) tháng tính đến thời điểm xem xét, đánh giá xếp loại doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau đây thì xếp loại C:

+ Không nộp báo cáo đánh giá tình hình tài chính, báo cáo đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định hoặc nộp báo cáo không đúng quy định, đúng thời hạn bị Tổng Công ty / cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp nhắc nhở bằng văn bản từ 02 lần trở lên.

+ Bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng các hình thức khác (ngoài hình thức cảnh cáo) hoặc bị phạt tiền (tổng số tiền bị xử phạt từ 10.000.000 đồng trở lên) trong vòng 12 (mười hai) tháng tính đến thời điểm xem xét, đánh giá xếp loại doanh nghiệp.

+ Người quản lý điều hành doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ của doanh nghiệp đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**2. Tổng hợp xếp loại các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu:**

Căn cứ kết quả phân loại cho từng chỉ tiêu 1, 2, 3 và 4 quy định tại Khoản 1 Điều này để xếp loại cho từng doanh nghiệp như sau:

- Doanh nghiệp xếp loại A khi không có chỉ tiêu xếp loại C, trong đó chỉ tiêu 2 và chỉ tiêu 4 được xếp loại A;

- Doanh nghiệp xếp loại C khi có chỉ tiêu 2 xếp loại C hoặc có chỉ tiêu 2 xếp loại B và 3 chỉ tiêu còn lại xếp loại C;

- Doanh nghiệp xếp loại B là doanh nghiệp còn lại không được xếp loại A hoặc loại C.

**3. Xếp loại viên chức quản lý các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu như sau:**

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi:

- Thực hiện tốt các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Doanh nghiệp xếp loại A.

b) Không hoàn thành nhiệm vụ nếu thuộc một trong những trường hợp sau:

- Không thực hiện tốt các tiêu chí đánh giá do kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Hoàn thành dưới 90% chỉ tiêu chủ sở hữu giao về tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu;

- Doanh nghiệp xếp loại C.

c) Hoàn thành nhiệm vụ: các trường hợp còn lại.

**Điều 14. Đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty**



1. Hàng năm Tổng Công ty vận dụng các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu để thực hiện đánh giá đối với doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty, đặc biệt là doanh nghiệp mà Tổng Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp sẽ là căn cứ để Tổng Công ty xem xét việc đầu tư, mở rộng đầu tư hay rút bớt vốn Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này; đồng thời làm căn cứ đánh giá, khen thưởng đối với Người đại diện và chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho Người đại diện trong năm tới.

2. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty cần căn cứ vào kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần), Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn) đã thông qua.

### **Điều 15. Mức khen thưởng đối với viên chức quản lý các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu và Người đại diện**

1. Hàng năm căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ, viên chức quản lý các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu được xét chi thưởng từ Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Được thưởng tối đa 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý doanh nghiệp.

b) Hoàn thành nhiệm vụ: Được thưởng tối đa 1 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý doanh nghiệp.

c) Không hoàn thành nhiệm vụ: Không được chi thưởng.

2. Mức trích lập và sử dụng Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp, thẩm quyền quyết định mức thưởng cho viên chức quản lý doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và của Tổng Công ty.

3. Mức khen thưởng đối với Người đại diện thực hiện theo Quy chế trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên và Người đại diện vốn Tổng Công ty Khánh Việt tại các doanh nghiệp.

### **Điều 16. Xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật**

1. Tổng Công ty thực hiện các hình thức kỷ luật như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, buộc thôi việc và quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với viên chức quản lý các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu nếu vi phạm các quy định sau:

- Không nộp, nộp không đầy đủ, không đúng hạn các báo cáo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, của Tổng Công ty; nội dung báo cáo không trung thực, không đầy đủ;

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, giải pháp của Tổng Công ty và cơ quan quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp, để doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn nhà nước, hoặc tình hình tài chính của doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn, công tác quản lý



tài chính của doanh nghiệp yếu kém thì viên chức quản lý doanh nghiệp bị kỷ luật hạ bậc lương hoặc buộc thôi việc.

2. Tổng Công ty thực hiện các hình thức kỷ luật như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, buộc thôi việc và quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với Người đại diện nếu vi phạm các quy định sau:

- Không nộp, nộp không đầy đủ, không đúng hạn các báo cáo theo quy định của của Tổng Công ty; nội dung báo cáo không trung thực, không đầy đủ;

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, giải pháp của Tổng Công ty trong việc giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty.

#### **Phần IV**

### **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17. Chế độ báo cáo đối với các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu**

1. Báo cáo đánh giá tình hình tài chính:

Định kỳ (06 tháng và hàng năm), Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu phải lập Báo cáo đánh giá tình hình tài chính theo các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Quy chế này gửi cho Tổng Công ty.

Thời điểm nộp báo cáo cùng với thời điểm nộp báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc năm theo quy định của chế độ kế toán. Riêng báo cáo bất thường, báo cáo theo yêu cầu phải nộp theo thời hạn quy định của cơ quan yêu cầu báo cáo. Đối với doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt phải gửi báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm.

2. Báo cáo giám sát tài chính và Báo cáo kết quả giám sát tài chính:

Tổng Công ty lập Báo cáo giám sát tài chính và Báo cáo kết quả giám sát tài chính gửi về Sở Tài chính trước ngày 15/8 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 15/4 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, báo cáo kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp:

a) Các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu phải gửi báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, báo cáo kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp cho Tổng Công ty vào trước ngày 20/3 năm sau. Báo cáo được lập theo Biểu 01 – Mẫu số 04 và Biểu 02 – Mẫu số 04 quy định kèm theo Quy chế này.

b) Tổng Công ty thực hiện thẩm định và xếp loại doanh nghiệp, xếp loại viên chức quản lý cho các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu vào trước ngày 30/4 năm sau.



